

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22-05-2025
V/v: “ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Khắc Hoàn và bà Vũ Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Đăng Viện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/5/2025, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2025 về việc: “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/04/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/04/2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: chị Trần Thị Thu H - sinh năm 1991. Nơi thường trú: tổ E, khu C, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

*Bị đơn: anh Phạm Văn T - sinh năm 1991. Nơi thường trú: thôn C, xã C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xử án vắng mặt, nguyên đơn là chị Trần Thị thu H trình bày như sau:

Về tình cảm: chị và anh Phạm Văn Thế L vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 21/11/2011 tại UBND xã C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn hai người có thời gian tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại xã C, thị xã Q, chung sống được một thời gian ngắn, đến tháng 12/2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không hòa giải được, hai người đã sống ly thân 10 năm nay. Mâu thuẫn vợ chồng chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không hòa giải được, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: chị và anh Phạm Văn T có 01 con chung là Phạm Thế Q – sinh ngày 06/12/2013, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Lý do chị xin được quyền trực tiếp nuôi con: trong thời gian chị và anh T

ly thân, chị là người trực tiếp nuôi con, anh T không chu cấp tiền nuôi con cho chị. Chị có công việc, có thu nhập ổn định trung bình 10.000.000đồng/tháng, có sự giúp đỡ của mẹ chị, nên điều kiện hiện nay của chị đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, mà không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn là anh Phạm Văn T, vắng mặt tại phiên tòa, vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập, không có quan điểm của anh T.

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án: biên bản ghi lời khai con chung ngày 04/02/2025, cháu Phạm Thế Q trình bày cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Biên bản xác minh tại nơi cư trú của anh T, đơn trình bày có xác nhận khu phố nơi chị H sinh sống cho thấy anh T và chị H đã sống ly thân thời gian dài, trong thời gian ly thân chị H là người nuôi con. Tài liệu tổng đạt văn bản tố tụng cho anh T thể hiện anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thu H, căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên xét thấy, yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H là có căn cứ, nên được chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình, cho chị Trần Thị Thu H ly hôn anh Phạm Văn T, giao cho chị H quyền trực tiếp nuôi con Phạm Thế Q – sinh ngày 06/12/2013, cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu, không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Văn T có nơi cư trú tại xã C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, nên yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thu H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt, nhưng có đơn xử án vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt

hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt và không có lý do; căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

[2] Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, trong đơn xử án vắng mặt, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H như sau: chị H và anh T kết hôn năm 2011 tại UBND xã C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Hôn nhân giữa chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, là hôn nhân hợp pháp. Chị H có quan điểm hôn nhân của chị và anh T không có hạnh phúc chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Theo chị H trình bày, sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân của chị và anh T xảy ra mâu thuẫn, tình trạng mâu thuẫn ngày trầm trọng, hai người đã sống ly thân 10 năm nay, không ai quan tâm đến ai, vì vậy chị làm đơn ly hôn. Anh T đã biết Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn của chị H nhưng không có quan điểm gì về việc này. Tài liệu xác minh tại nơi cư trú của anh T cho thấy, chị H và anh T đã ly thân một thời gian dài, chị H đã về H sinh sống. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T không còn chung sống cùng nhau trong thời gian dài, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, nên yêu cầu ly hôn của chị H được chấp nhận.

Về con chung: chị H và anh T có 01 con chung là cháu Phạm Thế Q – sinh ngày 06/12/2013, khi ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Phạm Thế Q đang ở cùng chị H được chị H nuôi dưỡng chu đáo, còn anh T thường xuyên vắng nhà, vì vậy xét về điều kiện hiện nay của chị H và anh T, giao cho chị H trực tiếp nuôi con là tốt hơn cho cháu Q và cũng phù hợp nguyện vọng của cháu. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: chị H khởi kiện vụ án ly hôn, nên chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: khoản 1 Điều 56; điều 82, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thu H;

-Về tình cảm: chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Văn T;

-Về con chung: giao cho chị Trần Thị Thu H quyền trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Thế Q – sinh ngày 06/12/2013 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

-Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

-Về án phí: chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002842 ngày 01/01/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã Q, chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thanh

Vũ Khắc Hoàn

Đặng Thị Minh Nga

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND tx. Quảng Yên;
- Chi cục THADS tx Quảng Yên;
- UBND xã Cẩm La, tx Quảng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP\

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Minh Nga

